

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Quintect 105 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
1.0	2024/04/01	50002735	

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Quintect 105 SC

Các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất : Picarbutrazox 105 g/L SC

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chỉ có thể được sử dụng làm thuốc diệt nấm.

Hạn chế khi sử dụng : Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : FMC Vietnam Company Limited

Địa chỉ : No.12, Lot B, Thong Nhat Road
Song Than 2 Industrial Zone, Di An Ward
Di An Town, Binh Duong Province

Điện thoại : +842743790503

Telefax : +842743790501

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : Đối với trường hợp rò rỉ, hỏa hoạn, tràn hoặc tai nạn, hãy gọi: + (84) -444581938 (CHEMTREC Việt Nam)

Cấp cứu y tế:
All other countries: +1 651 / 632-6793 (Collect)

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì

Từ cảnh báo : Không có gì

Cảnh báo nguy hiểm : H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Quintect 105 SC

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/04/01 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50002735 Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
tert-Butyl (6-{[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl}pyridin-2-yl)carbamate	500207-04-5	≥ 10 - < 13

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Được biết là chưa xảy ra.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Hóa chất khô
Bột khô

Quintect 105 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/04/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50002735	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
------------------	--	---	--

	Bột Carbon diôxít (CO ₂)
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Nitơ ôxít (NO _x) Carbon ôxít Ôxít lưu huỳnh
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Lau sạch bằng các vật liệu hút nước (ví dụ như khăn, bông). Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	: Các biện pháp thông thường nhằm ngăn ngừa hỏa hoạn.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	: Các bình chứa đã mở phải được đóng gán lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ. Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
Các chất cần tránh bảo quản chung	: Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.
Thêm thông tin về độ ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. kho lưu trữ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Quintect 105 SC



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
	2024/04/01	50002735	

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

- | | | |
|------------------------|---|--|
| Bảo vệ hô hấp | : | Trong trường hợp phơi nhiễm với dạng sương, bụi nước hoặc aerosol, mặc bộ đồ bảo hộ và các thiết bị hô hấp cá nhân thích hợp |
| Bảo vệ tay
Vật liệu | : | Mang găng tay chống hóa chất, chẳng hạn như tấm chắn, cao su butyl hoặc cao su nitrile. |
| Bảo vệ mắt | : | Kính bảo hộ |
| Bảo vệ da và cơ thể | : | Bộ quần áo bảo hộ |
| Các biện pháp vệ sinh | : | Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung. |

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- | | | |
|-----------------------------------|---|----------------------------|
| Trạng thái vật lý | : | thể lỏng |
| Hình thể | : | Huyền phù nước nhớt |
| Màu sắc | : | màu trắng nhạt |
| Mùi đặc trưng | : | đặc tính |
| Độ pH | : | 5 - 9 |
| Điểm cháy | : | không chớp cháy |
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) | : | Không áp dụng được |
| Tỷ trọng tương đối | : | 1,04 - 1,06 |
| Đặc tính cháy nổ | : | Không gây nổ |
| Đặc tính oxy hóa | : | Sản phẩm không bị oxy hóa. |

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

- | | | |
|-------------------|---|--|
| Khả năng phản ứng | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. |
|-------------------|---|--|

Quintect 105 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
1.0	2024/04/01	50002735	

Tính ổn định	:	Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị. Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa.
Vật liệu không tương thích	:	Các chất oxy hóa mạnh Các axit mạnh và bazơ mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp qua da	:	Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:**tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl]carbamate:**

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột, Đực và cái): > 5,2 mg/l Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Độc tính cấp qua da	:	LD50 (Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl]carbamate:**

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.



Quintect 105 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
	2024/04/01	50002735	

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl)carbamate:

Loài	:	Thỏ
Ghi chú	:	Tác động tối thiểu không đáp ứng ngưỡng phân loại.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl)carbamate:

Đường tiếp xúc	:	Tiếp xúc với da
Loài	:	Chuột lang
Kết quả	:	Không gây kích ứng da.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl)carbamate:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	:	Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames Kết quả: Âm tính
	:	Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm Kết quả: Âm tính
Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể	:	Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test) Kết quả: Âm tính

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl)carbamate:

Loài	:	Chuột
Kết quả	:	Âm tính
Loài	:	Chuột nhắt
Kết quả	:	Âm tính



Quintect 105 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
1.0	2024/04/01	50002735	

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl}pyridin-2-yl]carbamate:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loài: Chuột
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột
Kết quả: Âm tính

Loài: Thỏ
Kết quả: Âm tính

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl}pyridin-2-yl]carbamate:

Loài : Chuột, con cái
NOAEL : 10.16 mg/kg bw/ngày
Thời gian phơi nhiễm : 2 years

Loài : Chuột, con đực
NOAEL : 7.82 mg/kg bw/ngày
Thời gian phơi nhiễm : 2 years

Loài : Chó, con đực
NOAEL : 40.45 mg/kg bw/ngày
Thời gian phơi nhiễm : 1 year

Loài : Chó, con cái
NOAEL : 43.26 mg/kg bw/ngày
Thời gian phơi nhiễm : 1 year

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú : chưa có dữ liệu



Quintect 105 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
1.0	2024/04/01	50002735	

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá	: LC50 (Cyprinus carpio (cá chép)): > 1.000 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: EC50 (Daphnia (Rận nước Daphnia)): 125 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	: ErC50 (tảo): 155 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl]carbamate:

Độc đối với cá	: LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 0,29 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h Ghi chú: Không có độc tính ở giới hạn hòa tan
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,28 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Ghi chú: Không có độc tính ở giới hạn hòa tan
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	: ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 0,25 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Ghi chú: Không có độc tính ở giới hạn hòa tan
	: NOEC (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 0,11 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	: NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 0,14 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)	: NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,27 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

tert-Butyl (6-[[[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl]pyridin-2-yl]carbamate:

Tính tích lũy sinh học	: Loài: Lepomis macrochirus (Cá thái dương bluegill) Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 496
------------------------	--



Quintect 105 SC

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/04/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50002735	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
------------------	--	---	--

Thời gian phơi nhiễm: 29 d
Nồng độ: 4.04 µg/l

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 4,16 (25 °C)

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu hủy không chuyên nghiệp có thể gây ra các hậu quả về môi trường
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

IATA-DGR

Số UN/ID : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách) : Không áp dụng được



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
1.0	2024/04/01	50002735	

khách máy bay)

Mã IMDG

Số hiệu UN	:	Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	:	Không áp dụng được
Hạng	:	Không áp dụng được
Nhóm phụ số	:	Không áp dụng được
Nhóm hàng	:	Không áp dụng được
Nhãn	:	Không áp dụng được
Mã EmS	:	Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	:	Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Ghi chú	:	Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.
---------	---	--

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TCSI	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
TSCA	:	Sản phẩm chứa (các) chất chưa được liệt kê trong bản kiểm kê TSCA.
AIIC	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
DSL	:	Sản phẩm này có chứa các thành phần sau không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành. tert-Butyl (6-[(Z)-(1-methyl-1H-tetrazol-5-yl)phenylmethylidene]aminooxymethyl)pyridin-2-yl)carbamate
ENCS	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
ISHL	:	Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê
KECI	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
PICCS	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
IECSC	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
NZIoC	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê
TECI	:	Không tuân thủ với bản kiểm kê

Quintect 105 SC

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
	2024/04/01	50002735	

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2024/04/01
gần nhất

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Sự từ chối trách nhiệm

FMC Tập đoàn tin rằng thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày của tài liệu này. Bạn có thể liên hệ với FMC Tập đoàn để đảm bảo rằng tài liệu này là mới nhất có sẵn từ FMC Tập đoàn. Không bảo hành thể dục cho bất kỳ mục đích cụ thể, bảo hành thương mại hoặc bất kỳ bảo hành nào khác, thể hiện hoặc ngụ ý, được thực hiện liên quan đến thông tin được cung cấp ở đây. Thông tin được cung cấp ở đây chỉ liên quan đến sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Người dùng có trách nhiệm xác định xem sản phẩm có phù hợp với mục đích cụ thể hay không và phù hợp với điều kiện và phương thức sử dụng của người dùng. Do các điều kiện và phương thức sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC Tập đoàn, FMC Tập đoàn từ chối mọi trách nhiệm và mọi trách

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Quintect 105 SC



Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2024/04/01	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 50002735	Ngày ban hành cuối cùng: - Ngày ban hành đầu tiên: 2024/04/01
------------------	--	---	--

nhiệm đối với mọi kết quả thu được hoặc phát sinh từ bất kỳ việc sử dụng sản phẩm nào hoặc phụ thuộc vào thông tin đó.

VN / VI